

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 23-12-2022

V/v tranh chấp: “Chia tài sản
sau khi ly hôn; Tranh chấp về
cấp dưỡng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Công

Ông Lê Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Lành
- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 12 năm 2022 và 23 tháng 12 năm 2022; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020, về “Chia tài sản sau khi ly hôn; Tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Phương H, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Số nhà 05A, đường L, Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Đức H – là Luật sư của Văn phòng luật sư T và cộng sự, thuộc đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: L4-09.0T6 Tòa nhà L 4, Vinhomes Central Park, 720A Đ, Phường 22, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: anh Đào Trọng Đ, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số nhà 448, đường H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Phan Thị Lệ T, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Số 93, đường N, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo Giấy ủy quyền số 4037, quyền số 94-TP/CC/HĐGD ngày 20/11/2020 được xác lập tại Văn phòng công chứng V.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lương Thị Mai H, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Số nhà 18, đường L, Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(chị Nguyễn Thị Phương H, ông Trần Đ Hùng, bà Phan Thị Lệ T, bà Lương Thị Mai H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương H trình bày: Chị Nguyễn Thị Phương H và anh Đào Trọng Đ trước đây là vợ chồng hợp pháp, quá trình chung sống giữa đôi bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên năm 2020 anh Đ đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết ly hôn, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 97/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ thì chị H và anh Đ thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung là cháu Đào Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/8/2015 và cháu Đào Nguyễn La G, sinh ngày 20/3/2018 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con, vấn đề tài sản chung và nợ chung chị H và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn các bên không thể tự thỏa thuận với nhau nên chị Nguyễn Thị Phương H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Về tài sản chung: Chị H yêu cầu chia đôi đôi với khối tài sản chung do chị và anh Đ xác lập trong thời kỳ hôn nhân, gồm diện tích đất 150m² và nhà ở gắn liền trên đất thuộc thửa 827, tờ bản đồ số 18 thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC300603 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16/11/2015. Chị H yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản nêu trên và đồng ý thanh toán lại cho anh Đào Trọng Đ ½ giá trị tài sản bằng tiền, theo chứng thư thẩm định giá ngày 24/11/2021 của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thẩm định giá Sao Việt, xác định giá trị tổng giá trị tài sản là 2.078.280.000đ (trong đó quyền sử dụng đất có giá trị là 1.456.200.000đ, công trình xây dựng là nhà xây có giá trị là 622.080.000đ).

- Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Phương H cho rằng quá trình chung sống vợ chồng, chị và anh Đào Trọng Đ có vay của bà Lương Thị Mai H số tiền 400.000.000đ cho đến nay vẫn chưa trả cho bà Hoa, nên chị H yêu cầu chị và anh Đ cùng có nghĩa vụ trả cho bà Hoa số tiền nợ gốc 400.000.000đ và tiền lãi phát sinh.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung Đào Nguyễn Minh L, với mức cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi cháu trưởng thành, chị H yêu cầu được nhận số tiền cấp dưỡng 01 lần.

Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của bị đơn – bà Phan Thị Lệ T trình bày:

- Về tài sản chung: Anh Đào Trọng Đ đồng ý giao lại toàn bộ diện tích đất 150m² và nhà ở trên đất thuộc thửa 827, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC300603 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16/11/2015 cho chị H được quản lý, sử dụng và yêu cầu chị H có trách nhiệm thanh toán lại cho anh Đ ½ giá trị tài sản bằng tiền, theo giá trị tại chứng thư thẩm định giá ngày 24/11/2021 của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thẩm định giá Sao Việt xác định giá trị tổng giá trị tài sản là 2.078.280.000đ (trong đó quyền sử dụng đất có giá trị là 1.456.200.000đ, công trình xây dựng là nhà xây có giá trị là 622.080.000đ).

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Đào Trọng Đ chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ.

- Về nợ chung: anh Đ đồng ý anh và chị H cùng có nghĩa vụ trả cho bà Hoa số tiền nợ gốc 400.000.000đ, không đồng ý trả tiền nợ lãi phát sinh.

Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lương Thị Mai H trình bày: Bà Lương Thị Mai H là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Phương H, bà Hoa cho rằng vào thời điểm tháng 4 năm 2019 bà có thể chấp tài sản để vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ số tiền 400.000.000đ với mức lãi suất 7%/năm để cho chị H và anh Đ vay lại để làm nhà ở riêng. Cho đến nay chị H và anh Đ vẫn chưa trả cho bà Hoa số tiền nêu trên, nên bà yêu cầu chị Nguyễn Thị Phương H và anh Đào Trọng Đ trả số tiền nợ gốc là 400.000.000đ và nợ lãi tính đến ngày 07/12/2022 là 101.336.986đ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và nợ chung, đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị H yêu cầu anh Đào Trọng Đ cấp dưỡng nuôi con chung Đào Nguyễn Minh L với mức cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000đ tính từ ngày 07/8/2020 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành, yêu cầu được nhận số tiền cấp dưỡng 01 lần là 140.000.000đ, sau khi cân trừ nghĩa vụ trả nợ cho bà Hoa và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì chị H sẽ thanh toán số tiền chênh lệch tài sản còn lại cho anh Đào Trọng Đ.

- Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến về yêu cầu chia tài sản chung, về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung như chị H yêu cầu và chỉ đồng ý thanh toán tiền học phí cho 02 con chung. Về nợ chung anh Đ không đồng ý cùng có trách nhiệm trả số tiền 400.000.000đ và lãi phát sinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Mai H vẫn giữ nguyên yêu cầu chị Nguyễn Thị Phương H và anh Đào Trọng Đ cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 400.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính đến thời điểm xét xử là 101.336.986đ.

- Luật sư Trần Thế Hùng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương H về yêu cầu đối với tài sản chung và nợ chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tài sản chung: giao diện tích diện tích đất 150m² và nhà ở gắn liền trên diện tích đất thuộc thửa 827, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC300603 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16/11/2015 cho chị Nguyễn Thị

Phương H được quản lý, sử dụng. Buộc chị Nguyễn Thị Phương H có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh Đào Trọng Đ $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chênh lệch.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Đào Trọng Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đào Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/8/2015 với mức cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi cháu trưởng thành.

- Về nợ chung: Buộc chị Nguyễn Thị Phương H và anh Đào Trọng Đ cùng có trách nhiệm trả cho bà Lương Thị Mai H số tiền 400.000.000đ và lãi phát sinh theo mức quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình về “Chia tài sản sau khi ly hôn; Tranh chấp về cấp dưỡng” giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương H với bị đơn anh Đào Trọng Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Mai H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc áp dụng pháp luật nội dung và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ:

[2.1] Về việc áp dụng pháp luật: cần áp dụng bộ luật dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết nội dung vụ án.

[2.2] Về nghĩa vụ giao nộp chứng cứ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp”. Như vậy, việc cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp thì thuộc trách nhiệm của đương sự. Quá trình khởi kiện, chị Nguyễn Thị Phương H cung cấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC300603 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16/11/2015 đứng tên chị Nguyễn Thị Phương H và anh Đào Trọng Đ; 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 97/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Tòa án căn cứ vào các chứng cứ nêu trên để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Chị Nguyễn Thị Phương H và anh Đào Trọng Đ thuận tình ly hôn vào năm 2020, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 97/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ thì về phần cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung chị H và anh Đ tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn giữa đôi bên không thoả thuận được với nhau về các vấn đề nêu trên, nên ngày 29/9/2020 chị Nguyễn Thị Phương H nộp đơn khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn với anh Đào Trọng Đ. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/01/2021 bà Lương Thị Mai H nộp đơn khởi kiện độc lập yêu cầu chị H anh Đ trả số tiền 400.000.000đ và khoản lãi

phát sinh; Ngày 16/6/2021 chị H nộp đơn khởi kiện bổ sung về việc tranh chấp cấp dưỡng nuôi con.

[3.2] Xét yêu cầu chia tài sản sau ly hôn: chị Nguyễn Thị Phương H và anh Đào Trọng Đ đều xác nhận quá trình chung sống giữa đôi bên có xác lập được khối tài sản chung bao gồm diện tích đất 150m² và nhà ở gắn liền trên đất thuộc thửa 827, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC300603 vào ngày 16/11/2015, đứng tên chị Nguyễn Thị Phương H và anh Đào Trọng Đ.

Chứng thư thẩm định giá số 89/2021/CT-BĐS-LĐ ngày 24/11/2021 (bút lục 131 – 144), Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thẩm định giá Sao Việt xác định giá trị tài sản thẩm định giá tại thời điểm tháng 11 năm 2021 có tổng giá trị là 2.078.280.000đ (hai tỷ không trăm bảy mươi tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng); Bao gồm:

+ Quyền sử dụng diện tích đất 150m² có giá trị 1.456.200.000đ (ngang 5m x dài 34,9m; trong đó có: 72m² đất ở + 78m² đất nông nghiệp; theo đơn giá 9.708.000đ/m²);

+ Công trình xây dựng trên đất gồm nhà ở diện tích 115,2m² có giá trị 622.080.000đ (xây dựng năm 2018, giá trị còn lại 90%; diện tích xây dựng 55m² + diện tích sàn 115,2m²; 01 trệt + 01 lầu; kết cấu: móng, giằng, trụ, dầm, sàn BTCT, nền và sàn lát gạch ceramic, tường xây gạch, trần thạch cao, mái ngói, cửa đi + cửa gỗ + kính, theo đơn giá 6.000.000đ/m²).

Chị Nguyễn Thị Phương H và anh Đào Trọng Đ đều thống nhất với Chứng thư thẩm định giá số 89/2021/CT-BĐS-LĐ ngày 24/11/2021 của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thẩm định giá Sao Việt, nên Hội đồng xét xử xác định mức giá trị 2.078.280.000đ làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tại phiên toà, các bên đương sự đều thống nhất xác nhận công sức đóng góp, tôn tạo đối với tài sản chung là ngang nhau, và thống nhất thoả thuận chia đôi đối với toàn bộ khối tài sản chung, mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Theo đó, chị H yêu cầu được nhận giá trị tài sản bằng hiện vật gồm toàn bộ diện tích đất và nhà ở gắn liền trên đất, chị H có trách nhiệm thanh toán lại cho anh Đ $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản bằng tiền tương đương là 1.039.140.000đ. Việc các bên thống nhất thoả thuận phân chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên cần ghi nhận sự thoả thuận này. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho chị Nguyễn Thị Phương H được quản lý sử dụng đối với diện tích đất 150m² và công trình xây dựng trên đất bao gồm 01 nhà ở thuộc thửa 827, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bằng hiện vật và chị H có trách nhiệm thanh toán lại cho anh Đ số tiền 1.039.140.000đ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều luật quy định:

“... 2. Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây:

a) Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng;

b) Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập;

c) Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập;

d) Lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.

3. Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch.....”.

[3.3] Xét tranh chấp về cấp dưỡng:

[3.3.1] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh Đ đều thống nhất xác nhận từ thời điểm các bên ly hôn thì cháu Đào Nguyễn Minh L và cháu Đào Nguyễn La G do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H cho rằng, sau khi ly hôn thì anh Đ không có trách nhiệm với các con, không đến hỏi han, thăm nom cũng như chu cấp tiền để nuôi con, phía anh Đ cho rằng anh có đến thăm nom các con nhưng chị H nhiều lần cản trở.

Về nghĩa vụ thì cả cha và mẹ đều phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, nên việc chị Nguyễn Thị Phương H yêu cầu cấp dưỡng là xuất phát từ lợi ích chính đáng của con chung. Để đảm bảo cho trẻ phát triển về mọi mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc anh Đào Trọng Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đào Nguyễn Minh L cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp với các Điều 82, 110, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều luật quy định:

Tại khoản 2 Điều 82: “*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”.

Tại Điều 110: “*cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con*”.

Tại khoản 1 Điều 119: “*Người được cấp dưỡng, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người đó, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ đó*”.

[3.3.2] Về mức cấp dưỡng nuôi con:

Xét về mức thu nhập thì thấy rằng chị Nguyễn Thị Phương H hiện nay đang làm giáo viên tại Trường THCS T, thu nhập bình quân mỗi tháng sau khi đã trừ các khoản là 7.000.000đ. Phía bị đơn anh Đào Trọng Đ trước đây làm kỹ sư nông nghiệp trong Công ty TNHH V, mức thu nhập bình quân mỗi tháng 20.000.000đ, sau này do Công ty phá sản nên anh Đ không có công việc và thu nhập ổn định cho đến nay.

Tại phiên tòa, chị H xác định các chi phí phục vụ nhu cầu học hành và các chi phí sinh hoạt hàng tháng đối với cháu L và cháu G tổng cộng là 6.000.000đ, chưa kể các khoản phát sinh khác. Phía chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu anh Đ cấp dưỡng

số tiền 5.000.000đ để nuôi cháu Đào Nguyễn Minh L. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo mức mà nguyên đơn đưa ra, mà đề nghị anh Đ sẽ đóng tiền học phí cho các con chung nhằm mục đích được thăm nom và gặp các cháu nhiều hơn.

Tại khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình*”.

Phía anh Đào Trọng Đ chỉ đồng ý đóng tiền học phí nhưng không đưa ra được số tiền cụ thể là bao nhiêu, do đó không đủ cơ sở để xem xét yêu cầu này của bị đơn, mà cần quy định mức tiền cấp dưỡng cụ thể để các bên thực hiện và thể hiện tính trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của con chung. Tuy nhiên, căn cứ vào nguồn thu nhập và mức thu nhập trung bình hàng tháng của bị đơn thì không đủ điều kiện đảm bảo cho việc cấp dưỡng số tiền 5.000.000đ/cháu hàng tháng để nuôi cháu L. Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc bị đơn anh Đào Trọng Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L với mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp với khả năng thực tế và đúng quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều luật quy định: “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”.

[3.3.3] Về phương thức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng:

Tại Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần...*”

Căn cứ vào quy định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con theo phương thức thanh toán 01 lần cần trừ vào giá trị phần tài sản mà bị đơn được nhận và yêu cầu tính từ thời điểm ly hôn năm 2020 là hoàn toàn không có căn cứ, bởi lẽ tại thời điểm các bên giải quyết ly hôn không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, mà thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ thời điểm nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu. Ngày 16/6/2021, chị H nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bị đơn bắt đầu phát sinh vào thời điểm nộp đơn khởi kiện từ ngày 16/6/2021, cần buộc bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo phương thức định kỳ hàng tháng tính từ tháng 06 năm 2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật là hoàn toàn phù hợp.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng nhận thấy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho người được cấp dưỡng chưa thành niên, cũng như căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của các bên đương sự, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương H. Cần buộc anh Đào Trọng Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đào Nguyễn Minh L với mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ tính từ tháng 06 năm 2021 cho đến khi cháu L trưởng thành là hoàn toàn phù hợp.

[3.4] Xét yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngày 18/01/2021, bà Lương Thị Mai H nộp đơn khởi kiện độc lập yêu cầu chị H và anh Đ cùng có nghĩa vụ trả số tiền 400.000.000đ và khoản lãi phát sinh. Bà Hoa cho rằng xuất phát từ mối quan hệ gia đình, nên vào ngày 26/4/2019 bà Hoa có thể chấp diện tích đất và nhà tại thửa 168 tờ bản đồ 03QH tọa lạc thị trấn T để vay số tiền 400.000.000đ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam – chi nhánh huyện Đ, với mức lãi suất 7%/năm nhằm hỗ trợ cho chị H và anh Đ xây nhà ở riêng. Tuy nhiên, bà Lương Thị Mai H không cung cấp cho Toà án bất cứ giấy tờ gì chứng minh cho việc các bên có vay tiền và thoả thuận lãi suất. Quá trình hoà giải phía chị H và anh Đ đều thống nhất xác nhận số tiền nợ này nhưng anh Đ chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 400.000.000đ chứ không đồng ý trả số tiền lãi.

Tại phiên toà, bà Hoa yêu cầu chị H và anh Đ có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc 400.000.000đ và lãi phát sinh tính đến thời điểm xét xử là 101.336.000đ. Phía chị H đồng ý cùng với anh Đ có nghĩa vụ trả cho bà Hoa số tiền nợ gốc 400.000.000đ và lãi phát sinh. Đại diện theo ủy quyền của anh Đ không đồng ý trả số tiền nợ gốc và lãi như bà Hoa yêu cầu.

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.*

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.”

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: *“1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;*

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

3. Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung;

4. Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình;

5. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật dân sự thì cha mẹ phải bồi thường;

6. Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan.”

Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình quy định giải quyết quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba khi ly hôn: *“1. Quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau khi ly hôn, trừ trường hợp vợ chồng và người thứ ba có thỏa thuận khác.*

2. Trong trường hợp có tranh chấp về quyền, nghĩa vụ tài sản thì áp dụng quy định tại các điều 27, 37 và 45 của Luật này và quy định của Bộ luật dân sự để giải quyết.”

Xét yêu cầu của bà Hoa thấy rằng thời điểm bà Hoa cho chị H và anh Đ vay tiền là vào tháng 4 năm 2019, tại thời điểm này chị H và anh Đ vẫn đang trong

thời kỳ hôn nhân. Theo các quy định trên thì vợ chồng ly hôn không có nghĩa là các nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người thứ ba đã chấm dứt mà các khoản nợ chung đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực, hai bên vẫn phải tiếp tục cùng chịu trách nhiệm hoàn trả các khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nêu có.

Xét yêu cầu tính lãi thì việc vay tiền giữa các bên không xác lập giấy tờ thể hiện việc có thỏa thuận lãi suất, bị đơn cũng không đồng ý trả lãi. Do đó, cần căn cứ thời điểm các bên bắt đầu phát sinh tranh chấp đối với số tiền này từ ngày 18/01/2021, tính đến thời điểm xét xử là 23 tháng, như vậy số tiền lãi sẽ được tính như sau: $400.000.000đ \times 0,58\%/tháng \times 23\text{ tháng} = 53.360.000đ$.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Mai H, buộc chị H và anh Đ cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoa số tiền 400.000.000đ và lãi phát sinh tính đến thời điểm xét xử là 53.360.000đ là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Phương H và anh Đào Trọng Đ có đơn yêu cầu định giá đối với tài sản tranh chấp. Đối với số tiền chi phí định giá chị H đã nộp là 2.200.000đ và số tiền 13.000.000đ anh Đ đã nộp tạm ứng, phía chị H và anh Đ nhận chịu và không có ý kiến thắc mắc gì nên không xem xét đến.

[5] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Phương H và anh Đào Trọng Đ mỗi người phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận là 43.174.200đ và án phí đối với số tiền phải trả cho bà Hoa là 11.073.333đ. Anh Đ còn phải chịu số tiền 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lương Thị Mai H phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện về tiền lãi không được chấp nhận là $47.976.986đ \times 5\% = 2.398.850đ$, hoàn trả cho bà Hoa số tiền án phí còn thừa.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 104, 146, 147, 164, 165, 227, 228, 262 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 20, 24 Điều 3; các Điều 27, 37, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 2 Điều 357; Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về chia tài sản sau khi ly hôn:

1.1. Giao cho chị Nguyễn Thị Phương H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 150m² và 01 nhà ở (có diện tích 115,2m²) gắn liền trên đất thuộc thửa 827, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC300603 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh

Lâm Đồng cấp ngày 16/11/2015 mang tên Nguyễn Thị Phương H và Đào Trọng Đ.

1.2. Chị Nguyễn Thị Phương H có trách nhiệm thanh toán lại cho anh Đào Trọng Đ số tiền chênh lệch tài sản là 1.039.140.000đ (một tỷ không trăm ba mươi chín triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

1.3. Chị Nguyễn Thị Phương H có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục điều chỉnh, sang tên lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được giao theo quy định của pháp luật.

2. Về tranh chấp cấp dưỡng: Buộc anh Đào Trọng Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đào Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/8/2015 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), tính từ ngày 16/6/2021 cho đến khi cháu L đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Phương H là người trực tiếp được nhận số tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung: Buộc chị Nguyễn Thị Phương H và anh Đào Trọng Đ có trách nhiệm trả cho bà Lương Thị Mai H số tiền nợ gốc 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 23/12/2022 là 53.360.000đ (năm mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Buộc chị Nguyễn Thị Phương H phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 54.247.533đ, được trừ vào số tiền 12.000.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002752 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, số tiền còn lại chị H phải chịu là 42.247.533đ (bốn mươi hai triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi ba đồng).

- Buộc anh Đào Trọng Đ phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 54.547.533đ (năm mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi ba đồng).

- Buộc bà Lương Thị Mai H phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 2.398.850đ (hai triệu ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm năm mươi đồng). Hoàn trả cho bà Hoa số tiền án phí còn thừa là 7.601.150đ (bảy triệu sáu trăm lẻ một nghìn một trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu số 0002833 ngày 28/01/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình

